

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
NHƠN TRẠCH



MỤC LỤC

05 THÔNG TIN CHUNG

06 Thông tin khách qu

07 Quá trình hình thành và phát triển

08 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

09 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và cơ cấu tổ chức

10 Công ty con, Công ty liên kết

11 Định hướng phát triển

13 Các rủi ro

14 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

15 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

16 Tình hình đầu tư

19 Tình hình tài chính

21 BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

22 Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2013

24 Tình hình tài chính

27 Kế hoạch phát triển trong tương lai

30 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 31 Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- 32 Đánh giá các mặt hoạt động Ban Giám đốc
- 33 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

34 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- 35 Hội đồng quản trị
- 37 Ban kiểm soát
- 38 Ban Giám đốc
- 41 Thay đổi trong HĐQT, BKS và BGD
- 42 Tình hình nhân sự

44 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 45 Cổ phần, cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
- 46 Hoạt động HĐQT
- 50 Hoạt động Ban kiểm soát
- 52 Các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD
- 53 Thực hiện các quy định về quản trị Công ty

54 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A close-up photograph of a hand holding a glass of water. The water is clear and reflects light, creating a shimmering effect. The background is a soft, out-of-focus blue. The hand is positioned in the upper right, with fingers gripping the rim of the glass. The water level is high, and some droplets are visible on the glass surface.

I. THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Công ty con, Công ty liên kết

Định hướng phát triển

Các rủi ro



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Tên tiếng Anh	: NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: NTW
Logo	: 
Giấy chứng nhận ĐKKD số	: 3600977120 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27 tháng 5 năm 2013
Vốn điều lệ	: 50.000.000.000 VND Năm mươi tỷ đồng Việt Nam
Địa chỉ	: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	: (84-61) 3 560 574
Số fax	: (84-61) 3 560 031
Website	: www.ntw.com.vn
Email	: nhotrawa@ntw.com.vn
Mã cổ phiếu	: NTW





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1997

Tiền thân là Xí nghiệp Nước Nhon Trạch, đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở xây dựng Đồng Nai

2004

UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 36/QĐ.CT.UBT

2007

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành Công ty cổ phần”

2008

24/01/2008 Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động cho Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. Ngày 14/2/2008 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498

2012

Cổ phiếu Công ty chính thức giao dịch tại sàn UPCOM với vốn điều lệ là 50.000.000.0000 đồng.

2013

Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 ngày 27/05/2013, ghi nhận vốn điều lệ tăng lên 50.000.000.0000 đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt.
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp.
- Phân phối nước sạch.

Xây dựng công trình công ích

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước.
- Xây dựng trạm bơm.

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước.

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

- Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình.
- Xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.



Địa bàn kinh doanh

Huyện Nhơn Trạch và huyện Long Thành (Đồng Nai). Trong tương lai, định hướng Công ty sẽ phát triển ra các tỉnh lân cận.

■ ■ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH ■ ■ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

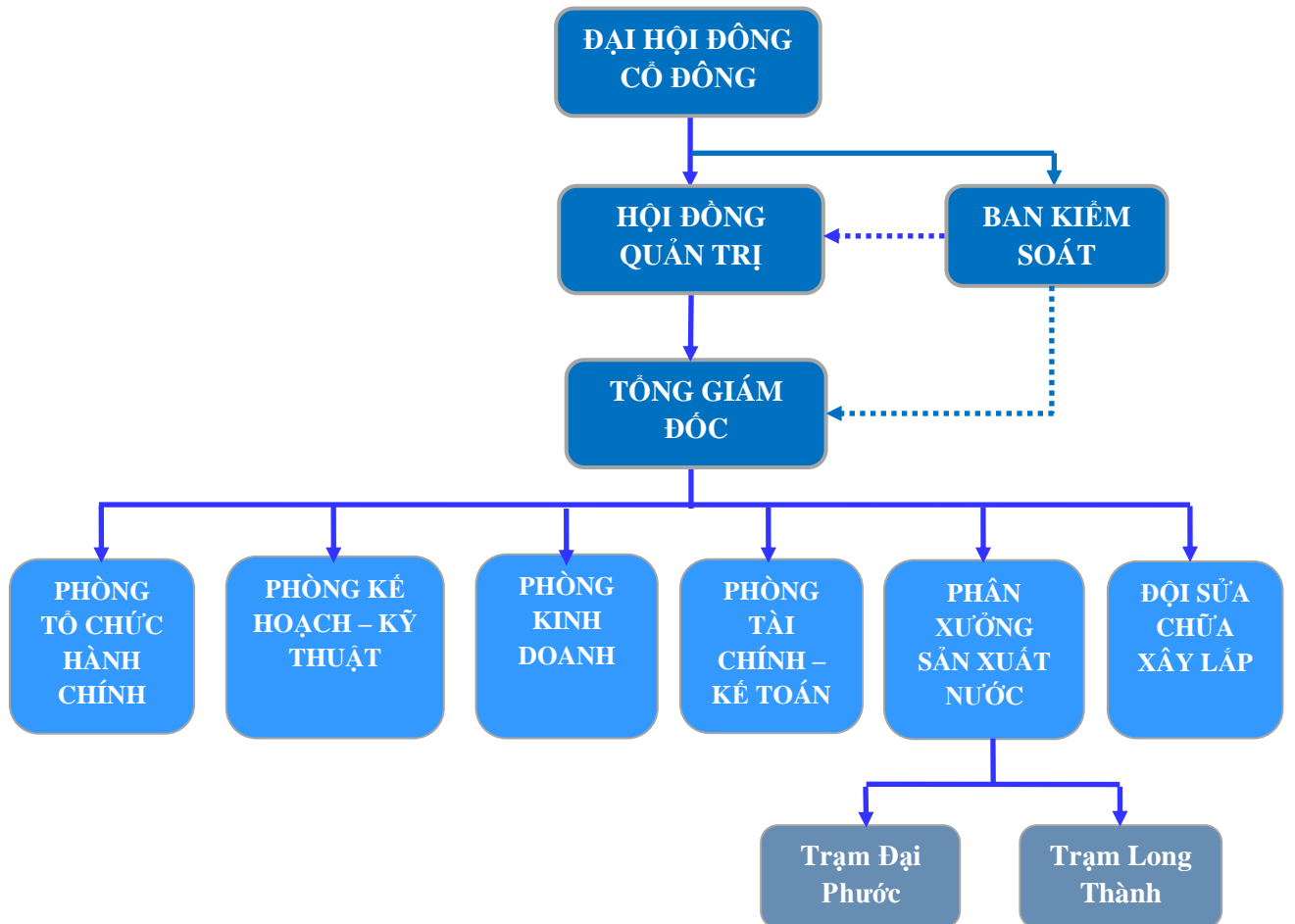
Mô hình quản trị

Với loại hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị Công ty được tuân theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty bao gồm các bộ phận:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị công ty;
3. Ban Giám đốc.



Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành



.....> Kiểm soát hoạt động

————> Điều hành trực tiếp

Công ty con, công ty liên kết

Không có





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của của Công ty

Công ty luôn hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cổ đông và cấp nước an sinh xã hội. Cụ thể:

- Mục tiêu đảm bảo doanh thu và lợi nhuận trong năm 2013 tăng cao hơn năm 2012.
- Phân đầu hoàn thành, triển khai một số dự án đầu tư như nâng cao năng suất khai thác nước, cải tạo một số mạng lưới đường ống dẫn, xây dựng hệ thống cấp nước cho các khu công nghiệp, hộ dân cư, xây dựng văn phòng làm việc.
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực và tạo bước phát triển vững chắc cho chính Công ty trong tương lai.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên Công ty tiếp tục duy trì các chiến lược hoạt động phát triển trung và dài hạn như đã đề ra trong các năm trước:

- Kiểm soát giá vốn hàng bán. Do đặc thù là ngành cung cấp nước, công ty cần kiểm soát chi phí chủ yếu là điện năng, nguồn nước và các loại hóa chất chuyên xử lý nước để cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.
- Công ty chú trọng đảm bảo uy tín và chất lượng dịch vụ cho các khách hàng hiện tại. Bên cạnh đó, công ty cũng không ngừng quan tâm, khai thác các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ.
- Chủ trương trau dồi kiến thức và kinh nghiệm cho Ban điều hành cũng như đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty, luôn thực hiện tốt công tác quản trị cũng như sản xuất kinh doanh đưa công ty trở thành một thương hiệu uy tín trong khu vực.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất nước sạch và phân phối nước, Công ty luôn chú trọng trách nhiệm của mình đối với các vấn đề môi trường, xã hội và cộng

Đối với môi trường

- Trong quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng chất lượng nước, đảm bảo được các chỉ tiêu Lý - Hóa và vi sinh theo quy định của Bộ Y Tế. Đồng thời, Công ty cũng có biện pháp xử lý các tác nhân gây ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động sản xuất, thi công.



Đối với xã hội, cộng đồng

- Công ty luôn nỗ lực cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, cải cách thủ tục để đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục, ổn định, với áp lực và chất lượng cao nhất, đảm bảo tính kịp thời cho mọi nhu cầu của nhân dân và khách hàng;
 - Bên cạnh đó, ý thức được ý nghĩa cao đẹp của công tác từ thiện, Ban lãnh đạo luôn đứng ra khởi xướng và kêu gọi thêm những tấm lòng vàng trong Công ty.
- Trong năm 2013, Công ty đã tuyên truyền vận động CB.CNV thực hiện quyền góp ủng hộ đồng bào miền trung lũ lụt, quỹ ủng hộ nạn nhân chất độc gia cam, quỹ học giỏi sống tốt. Tổng số tiền mà Công ty đã ủng hộ các Quỹ trong năm 2013 là: 107.176.000 đồng.
 - Tiếp nối truyền thống những năm qua, trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện nhiều hoạt động thiết thực, có ý nghĩa hơn nữa để đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.





CÁC RỦI RO

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động của Công ty sẽ chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán. Những thay đổi, điều chỉnh hay bổ sung về nội dung liên quan đến các Luật này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là kinh doanh nước sạch vì vậy các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro nguyên vật liệu, giá cả các yếu tố đầu vào

Hầu hết các nguyên phụ liệu Công ty đều mua từ các nhà cung cấp nên giá cả và chi phí đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nguồn cung cấp nguyên liệu cho Công ty hiện tại nhìn chung khá ổn định do Công ty và các nhà cung cấp có mối quan hệ gắn bó từ rất lâu. Do đó rủi ro về nguyên vật liệu cung cấp là không đáng kể.

Rủi ro về mạng lưới hoạt động

Với mạng lưới phân phối nước rộng tồn tại một số rủi ro trong quá trình kiểm soát như thất thoát nước trong quá trình chuyển tải, tình trạng xâm phạm hành lang an toàn các tuyến ống, công tác bảo vệ nguồn nước đề phòng các chất thải gây ô nhiễm, v.v... đòi hỏi sự góp sức của nhiều đơn vị liên quan. Với những khó khăn như trên, Công ty đã bố trí các cán bộ chuyên trách định kỳ kiểm tra và rà soát hệ thống mạng lưới nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro đặc thù ngành mà công ty gặp phải là những dự án đầu tư cấp nước đón đầu quy hoạch dân cư được công ty triển khai với chi phí lớn, nhưng lại có tốc độ chậm và gặp phải nhiều thay đổi về chính sách, quy hoạch. Mặc dù vậy, do địa bàn hoạt động của Công ty là địa phương có tốc độ đô thị hóa khá cao, triển vọng phát triển kinh tế - xã hội có nhiều thuận lợi, nên rủi ro này không phải là điều quá lo ngại.

Hơn nữa, là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành cấp nước nên ít nhiều vẫn mang tính chất công ích, phục vụ cộng đồng. Điển hình là việc cung cấp nước sạch đến các xã anh hùng, vùng nông thôn, khu vực đặc biệt khó khăn... với chi phí cao mà giá bán chưa hợp lý, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư

Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ TH/KH 2013 (%)	Tỷ lệ TH 2013/2012 (%)
Tổng doanh thu	124.280	128.011	126.491	98,81%	101,78%
Tổng chi phí	87.196	87.699	84.900	96,81%	97,37%
Lợi nhuận trước thuế	37.084	40.312	41.591	103,17%	112,15%
Lợi nhuận sau thuế	30.379	30.234	31.153	103,04%	102,55%

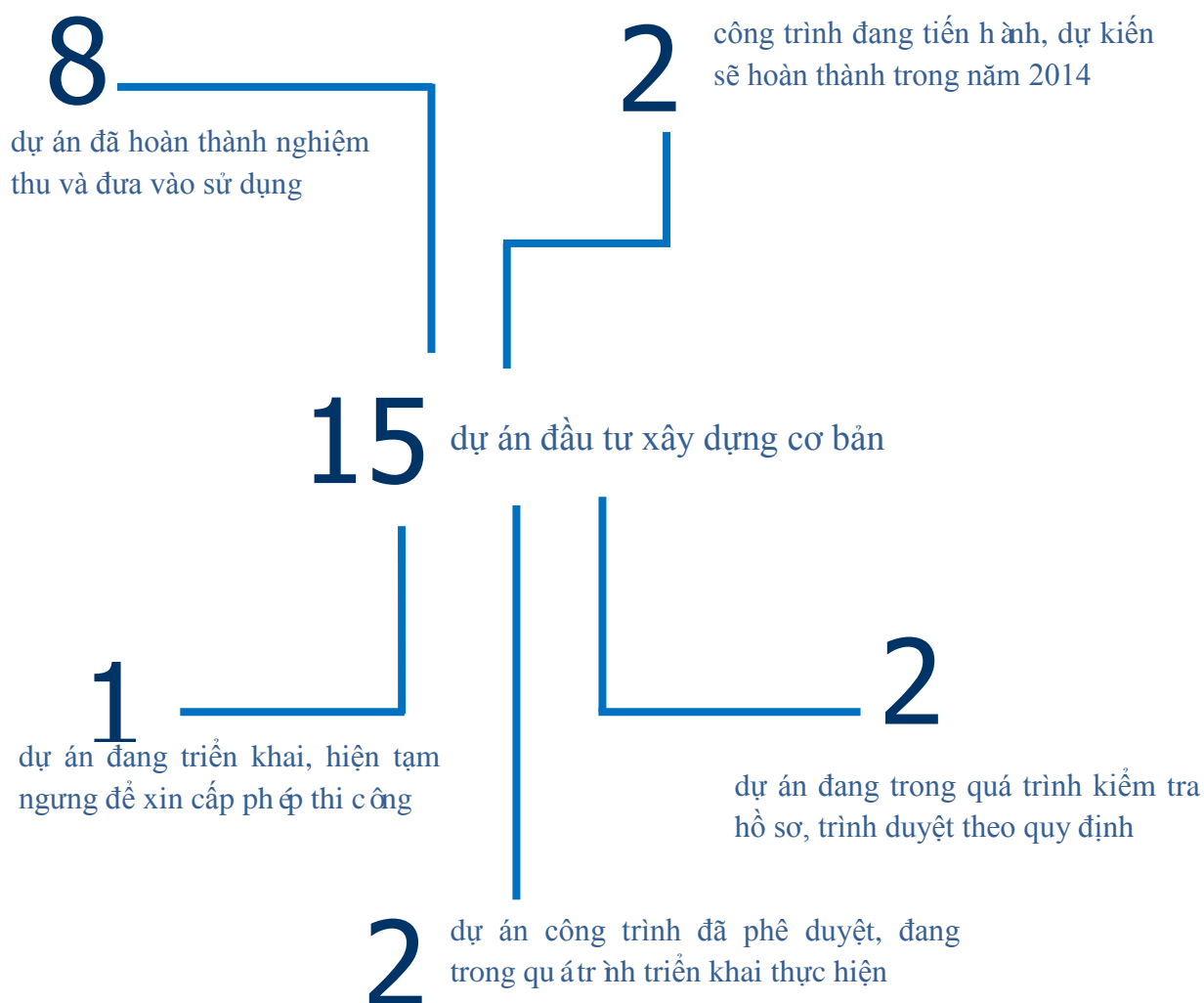
Trong năm 2013 tổng doanh thu Công ty đạt hơn 126 tỷ tăng 1,78% so với năm 2012; tổng chi phí trong năm đạt 96,81% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt hơn 41 tỷ đồng, tăng 12,15% so với năm 2012; lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt hơn 31 tỷ. Nhìn chung, tổng lợi nhuận Công ty năm 2013 đều vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Với chủ trương tiết kiệm, tránh lãng phí và đầu tư khôn ngoan, tổng chi phí Công ty trong năm 2013 đã giảm được khoảng 2,6%; tổng doanh thu, lợi nhuận trước và sau thuế của Công ty đều tăng, dao động trong khoảng từ 2% đến hơn 10%.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ



Trong năm 2013, Công ty đã đưa ra 15 dự án đầu tư xây dựng cơ bản được Đại Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua; trong đó có 8 dự án công trình đã hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng; 2 công trình đang tiến hành, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2014; 2 dự án công trình đã phê duyệt, đang trong quá trình triển khai thực hiện; 2 dự án đang trong quá trình kiểm tra hồ sơ, trình duyệt theo quy định và 1 dự án đang triển khai, hiện tạm ngưng để xin cấp phép thi công.



STT	Dự án	Tiến độ
1	Công trình XD Trụ sở làm việc Công ty	đã phê duyệt dự án & đang triển khai các bước theo quy định. Dự kiến đầu QII/2014 khởi công XD công trình
2	Công trình trạm bơm tăng áp xã Phú Hữu (công suất 1.500m ³ /ngày.đêm)	Công ty đang kiểm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật, trình duyệt theo quy định
3	Cải tạo và nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước (công suất 2.500m ³ /ngày.đêm)	Công ty đang kiểm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật để trình duyệt theo quy định. Dự kiến cuối Quý II/2014 tiến hành khởi công xây dựng công trình
4	Công trình xây dựng hàng rào, nhà bảo vệ trạm bơm tăng áp Long Thành	Đang tiến hành thi công, dự kiến Quý II/2014 hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng.
5	Công trình xây dựng hàng rào bảo vệ trạm bơm Đại Phước	Đã nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng
6	Công trình Tuyến ống cấp nước từ đường 319B đến Hương Lộ 19 xã Long Thọ	Đã hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 27/12/2013
7	Công trình lắp đặt tuyến ống cấp nước qua cầu Phước Lý	Đã thi công hoàn thành trong tháng 12/2013
8	Công trình cải tạo sửa chữa trạm bơm nước thô (Trạm 1C)	Công trình hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 03/12/2013
9	Công trình xây dựng hàng rào trạm bơm Vĩnh Thanh	Đã triển khai thi công, hiện tạm ngưng xin cấp phép thi công
10	Công trình cải tạo sân đường nội bộ Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch	Đã phê duyệt xong hồ sơ, Quý I/2014 khởi công công trình và đã hoàn thành đưa vào sử dụng.
11	Công trình hệ thống cấp nước khu công nghiệp Nhơn Trạch công suất 2.800m ³ /ngày.đêm	Đã triển khai thi công các gói thầu, dự kiến hoàn thành trong QI/2014 để cấp nước cho các DN trên địa bàn trong mùa khô 2014



12	Công trình xây dựng đường ống cấp nước 6 hẻm xã Phú Hữu, Đại Phước, Hiệp Phước	Đã hoàn thành thi công để cấp nước ổn định cho người dân trong các hẻm trên địa bàn
13	Công trình mở rộng đường ống cấp nước 5 hẻm xã Phú Hữu	Đã thi công nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán công trình. Hiện đang cấp nước ổn định cho người dân trên địa bàn
14	Công trình di dời tuyến ống cấp nước D400 từ Km23+543.56 – Km 24+524.97 tỉnh lộ 25A xã Phước Thiện	Đã nghiệm thu đưa vào sử dụng để trả mặt bằng cho đơn vị làm đường
15	Hạng mục công trình khoan thay thế G1, G6 và giếng quan trắc	Đã thi công nghiệm thu đưa vào sử dụng, cung cấp nước cho nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 và 2

- **Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết:** Không có





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	% tăng/giảm so với 2012
Tổng tài sản	139.102	149.832	7,71%
Doanh thu thuần	122.001	122.514	0,42%
Lợi nhuận từ HĐKD	36.999	41.571	12,36%
Lợi nhuận khác	84.590	19.905	-76,47%
Lợi nhuận trước thuế	37.084	41.591	12,15%
Lợi nhuận sau thuế	30.379	31.153	2,55%



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	Tỷ lệ 2013/2012 (%)
Chỉ tiêu khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,82	4,92	28,73%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,51	4,54	29,48%
Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15,55%	13,45%	-13,49%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	18,41%	15,54%	-15,58%
Chỉ tiêu năng lực hoạt động				
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	13,84	10,58	-23,52%
Vòng quay Tổng tài sản	Vòng	1,07	0,85	-21,06%
Chỉ tiêu khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	24,90%	25,43%	2,12%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	25,86%	24,02%	-7,10%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	21,84%	20,79%	-4,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	30,33%	33,93%	11,89%



❖ Về cơ cấu vốn

So với năm trước, các khoản nợ của Công ty chỉ giảm nhẹ 6,82%, tương đương 1,4 tỷ. Tuy nhiên, Tổng Tài sản tăng đến 10,7 tỷ và Vốn chủ sở hữu tăng 12,2 tỷ đã đẩy tỷ trọng nợ giảm xuống. Nợ chiếm 13,45% Tổng tài sản, tương đương 15,54% Vốn chủ sở hữu trong năm qua. Với cơ cấu này, rủi ro tài chính của công ty đã giảm xuống.

❖ Về khả năng thanh toán

Năm qua công ty đã cho hai công ty cùng ngành vay 30 tỷ làm khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng lên. Vì vậy mà Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 20% so với năm 2012, đạt 99,2 tỷ đồng. Trong khi đó, Nợ ngắn hạn lại giảm khoảng 7% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2013 tăng 28,73%.

Hàng tồn kho tăng 832 triệu đồng, so với khoảng tăng chung của Tài sản ngắn hạn thì con số này không đáng kể. Vì vậy mà khả năng thanh toán nhanh của Công ty tăng cùng xu hướng với khả năng thanh toán ngắn hạn, đạt 4,54 lần, tăng gần 30% so với năm 2012.

Sự gia tăng của hai hệ số này trong năm cho thấy được sự an toàn tài chính của của công ty ngày càng tốt.

❖ Về năng lực hoạt động

Giá vốn hàng bán và doanh thu thuần biến động nhẹ trong năm qua, nhưng Giá trị tổng tài sản và hàng tồn kho trong năm 2013 đều tăng so với năm 2012, đây là nguyên nhân dẫn tới các chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Vòng quay hàng tồn kho, Vòng quay Tổng tài sản) đều giảm.

❖ Về khả năng sinh lời

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh đang được kiểm soát rất tốt và giảm so với năm trước, đồng thời Doanh thu thuần vẫn được duy trì 122 tỷ, vì vậy mà các tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần đều tăng.

Như đã trình bày, vốn chủ sở hữu và tài sản tăng khá mạnh trong năm, mạnh hơn nhiều so với khoản tăng của lợi nhuận sau thuế đã làm tỷ suất sinh lợi trên Vốn chủ sở hữu và Tài sản giảm xuống. Tỷ suất lần lượt là 25,21% và 21,56%.



III. BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2013

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

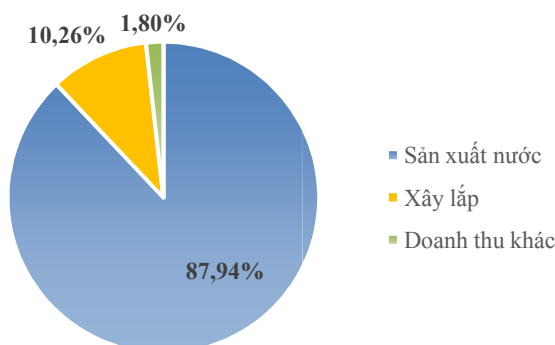


ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013

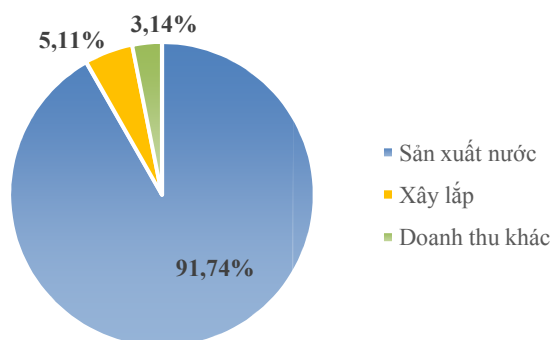
ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tỷ lệ TH/KH 2013 (%)	Tỷ lệ TH 2013/2012 (%)
Tổng doanh thu	124.280	128.011	126.419	98,81%	101,78%
Tổng chi phí	87.196	87.699	84.900	96,81%	97,37%
Doanh thu thuần	122.001	125.511	122.514	97,61%	100,42%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.999	40.312	41.571	103,12%	112,36%
Lợi nhuận trước thuế	37.083	40.312	41.591	103,17%	112,15%
Lợi nhuận sau thuế	30.378	30.234	31.153	103,04%	102,55%
Tỷ lệ chia cổ tức	20%	20%	20%	100,00%	100,00%

Cơ cấu doanh thu 2012



Cơ cấu doanh thu 2013



Với những chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông đề ra, ngoài trừ doanh thu, các chỉ tiêu khác đều đạt kế hoạch, riêng chi phí được kiểm soát tốt hơn mức dự kiến. Hiện nay hoạt động sản xuất nước là hoạt động chính của công ty vẫn tăng trưởng ổn định, riêng hoạt động xây lắp doanh thu giảm so với năm trước. Lợi nhuận trước và sau thuế đều vượt kế hoạch và tăng nhẹ so với năm 2012, đảm bảo khả năng chi trả cổ tức như đã dự kiến.

• Công tác sản xuất

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Tỷ lệ TH/KH 2013 (%)
Sản lượng nước sản xuất	m ³	16.568.435	17.151.567	17.494.336	102,00%
Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	15.218.187	15.783.247	16.077.694	101,87%
Nước thất thoát	%	8,15%	7,98%	8,10%	0,12%

Nhiệm vụ sản xuất nước đã được thực hiện tốt. Chất lượng nước đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, sản lượng vượt 2% so với kế hoạch đề ra và tăng 5,6% so với năm 2012. Công tác bảo trì sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện tốt, đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, an toàn. Sản lượng nước tiêu thụ vượt kế hoạch 1,87% và hơn năm 2012 5,65%. Tỷ lệ nước thất thoát tuy chưa đạt được kế hoạch đề ra nhưng cũng đã giảm so với năm 2012.

Đồng thời, nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ. Trong năm 2013 công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ được quan tâm thực hiện, không có sự cố nào xảy ra.

• Công tác bảo trì, bảo dưỡng

Công ty tổ chức kiểm tra hệ thống cấp nước khách hàng, mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối định kỳ mỗi tháng 2 lần, khắc phục và giải quyết nhanh các trường hợp đồng hồ hư, chạy không chính xác, kiểm tra xử lý van và các thiết bị trên mạng lưới cấp nước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ nước thất thoát. Trong năm 2013 đã kiểm tra thủy lượng kế và đường ống nhánh khách hàng cụ thể như sau: Nhơn Trạch 48 lần, Đại Phước 160 lần, Long Thành 60 lần.

• Công tác phát triển khách hàng

Song song với việc đảm bảo chất lượng nước, bảo trì đường ống, kiểm tra thủy lượng kế cho khách hàng hiện tại, công tác phát triển khách hàng cũng được Công ty rất quan tâm. Tính đến 31/12/2013, tổng số khách hàng của Cấp nước Nhơn Trạch đạt 3.647 khách hàng, trong đó có 526 khách hàng mới phát triển trong năm, tập trung ở khu dân cư thị trấn Long Thành và khu công nghiệp Nhơn Trạch và Đại Phước.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

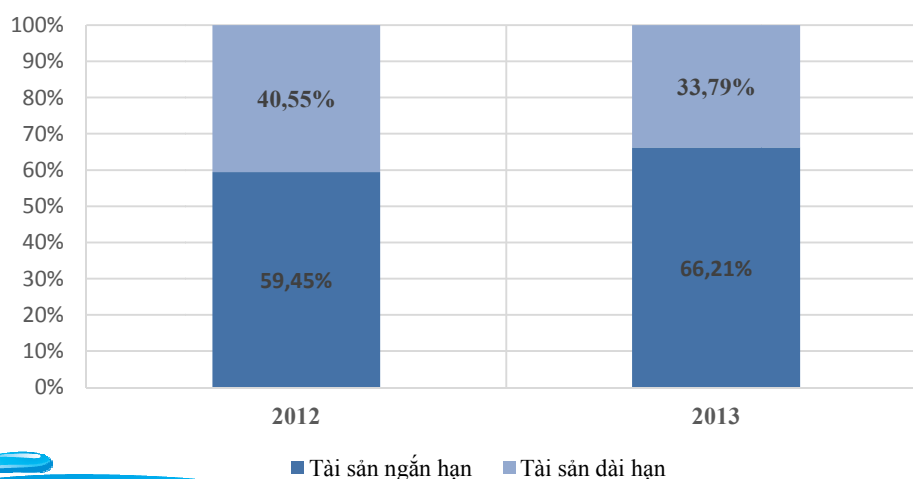
CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2013/ Năm 2012	% tăng giảm so với 2012	Tỷ trọng 2012	Tỷ trọng 2013
Tài sản						
Tài sản ngắn hạn	82.700	99.205	119,96%	19,96%	59,45%	66,21%
Tài sản dài hạn	56.402	50.628	89,76%	-10,24%	40,55%	33,79%
Tổng Tài sản	139.102	149.832	107,71%	7,71%	100,00%	100,00%
Nguồn vốn						
Nợ ngắn hạn	21.631	20.157	93,18%	-6,82%	100,00%	100,00%
Nợ dài hạn	0	0	-	-	0,00%	0,00%
Tổng nợ	21.631	20.157	93,18%	-6,82%	100,00%	100,00%

Tổng tài sản trong năm 2013 tăng 7,71% so với năm 2012; trong đó tài sản ngắn hạn đạt hơn 99 tỷ tăng gần 20%, tài sản dài hạn đạt hơn 50 tỷ giảm 10% so với năm 2012.

Trong cơ cấu của Tài sản ngắn hạn, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và khoản tiền và tương đương tiền đã chiếm hơn 73%. Đặc biệt, năm 2013 công ty chuyển phần lớn lượng tiền mặt tại quỹ sang tương đương tiền để đảm bảo an toàn và tăng nguồn thu tài chính cho công ty. Đồng thời, đầu tư tài chính ngắn hạn cũng là khoản mục hoàn toàn mới so với năm 2012. Riêng khoản này đã kéo tài sản ngắn hạn tăng 30 tỷ đồng.

Các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm làm tăng nguyên giá tài sản cố định thêm 5,1 tỷ, nhưng khấu hao lại lên đến 11,1 tỷ, kết cục tài sản cố định lại giảm so với năm trước. Tài sản dài hạn của công ty chỉ bao gồm tài sản cố định, vì vậy mà cũng giảm đi so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu tài sản

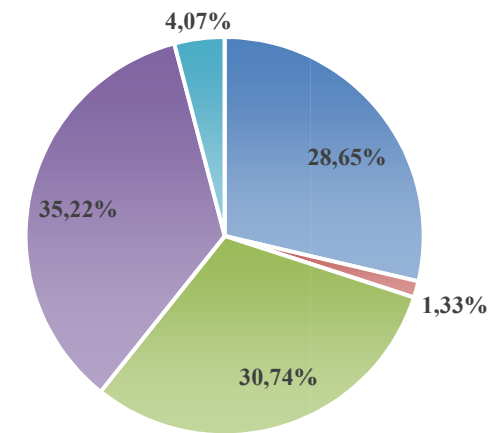


Cũng như 2012, năm 2013 Công ty tiếp tục không vay nợ dài hạn

Nợ ngắn hạn giảm còn 20 tỷ, tổng nợ trong năm giảm 6,82% so với năm 2012. Trong đó chỉ có quỹ khen thưởng phúc lợi tăng mạnh thêm 3 tỷ đồng, thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. Các khoản còn lại tăng rất ít hoặc giảm.

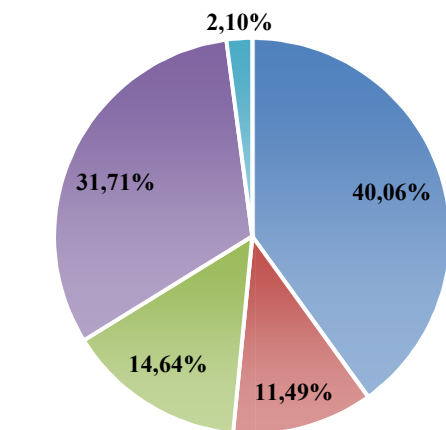
Công ty không có các khoản phải thu, phải trả xấu. Công tác tài chính được theo dõi rất chặt chẽ để đảm bảo vừa đầu tư hiệu quả vừa đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật.

Cơ cấu Nợ ngắn hạn 2013



- Phải trả cho người bán
- Phải trả người lao động
- Phải trả ngắn hạn khác
- Phải trả thuế
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân

Cơ cấu Nợ ngắn hạn 2012



- Phải trả cho người bán
- Phải trả người lao động
- Phải trả ngắn hạn khác
- Phải trả thuế
- Phải trả thuế thu nhập cá nhân



- Những tiến bộ công ty đã đạt được

Công ty đã xây dựng thành công điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo quy định của Thông tư 121/2012/TT-BTC. Điều lệ mới đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua. Cũng theo thông tư này, Hội đồng quản trị đã hoàn thiện và ban hành Quy chế quản trị công ty nhằm chuẩn hóa các quy định về quản trị trong công ty.

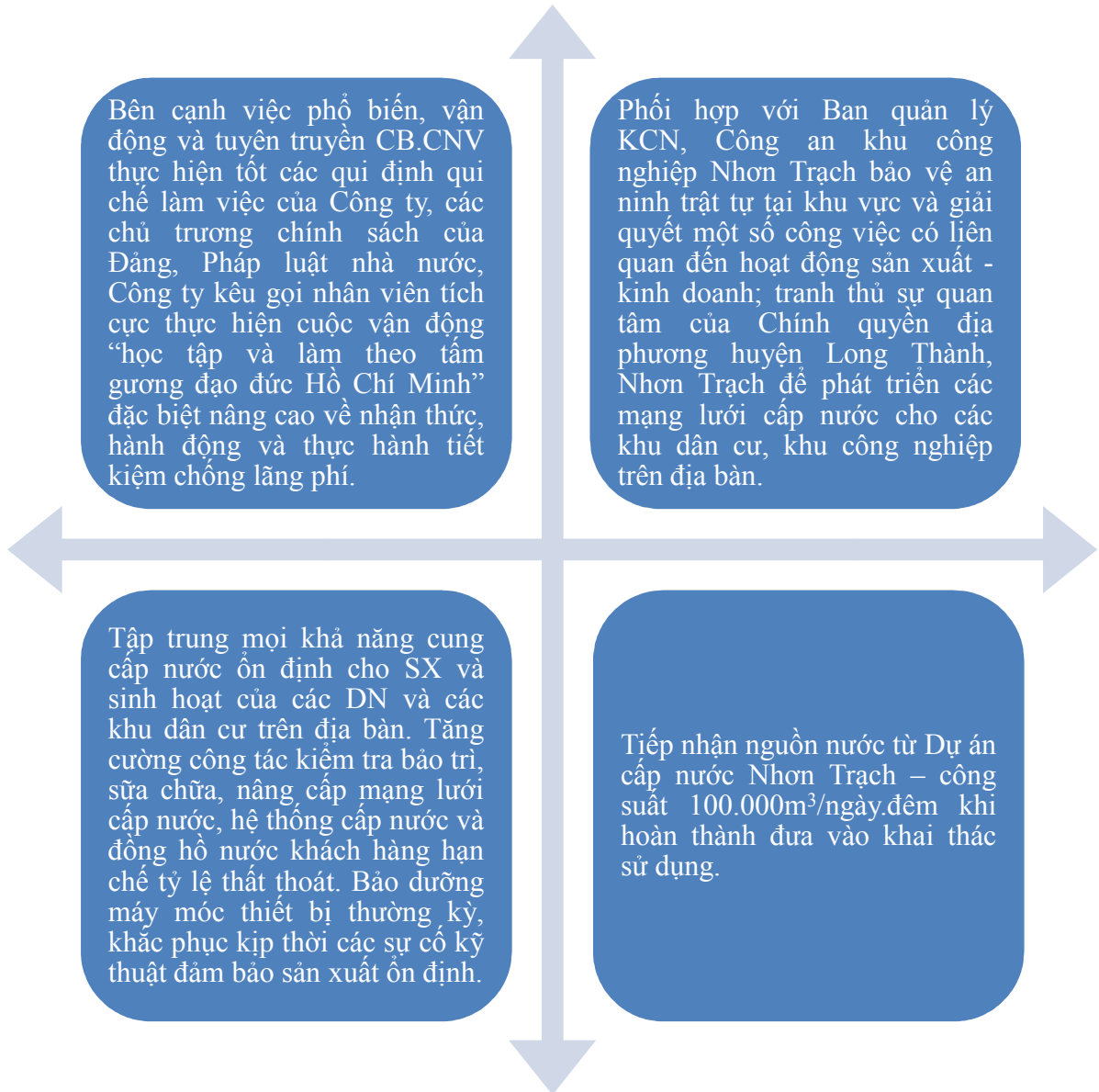




KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Phương hướng thực hiện KH SXKD năm 2014



Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Tỷ lệ % 2014/2013
1.	SL nước SX và tiêu thụ				
	<i>Sản lượng nước sản xuất</i>	m ³	17.494.336	18.260.296	104,4%
	<i>Sản lượng nước tiêu thụ</i>	m ³	16.077.694	16.799.619	104,5%
	<i>Nước thất thoát</i>	%	8,1%	8,0%	-0,1%
2.	Tổng Doanh thu	1.000đ	126.491.007	129.797.242	102,6%
	<i>Sản xuất nước</i>	"	116.048.088	121.797.242	105,0%
	<i>Xây lắp</i>	"	6.466.282	5.000.000	77,3%
	<i>Doanh thu khác</i>		3.976.636	3.000.000	75,4%
3.	Tổng chi phí	"	84.900.021	86.598.022	102,0%
4.	Lợi nhuận trước thuế	"	41.590.985	43.199.220	103,9%
5.	Lợi nhuận sau thuế	"	31.153.414	32.047.969	102,9%
6.	Tỷ suất LNST/VĐL	%	62,31%	64,10%	102,9%
7.	Các khoản nộp Ngân sách	1.000đ	20.016.394	20.507.964	102,4%
8.	Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	20%	20%	100,0%

Kế hoạch thực hiện các dự án năm 2014

Trong năm 2014, Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thành 7 dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã được Hội đồng Quản trị, cổ đông thông qua:

- Công trình xây dựng nhà văn phòng: Hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện triển khai thi công công trình trong quý II/2014.
- Công trình trạm bơm tăng áp Phú Hữu - công suất 1.500m³/ngày. đêm: Hoàn thành hồ sơ thiết kế kỹ thuật, triển khai các bước thi công dự án theo quy định hiện hành.
- Công trình Cải tạo nâng cấp trạm Đại Phước công suất 2.500m³/ngày.đêm, hạng mục: Trạm xử lý công suất 2.500m³/ngày.đêm. Hoàn thành hồ sơ đất và báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình để triển khai thi công trong quý II/2014.
- Công trình xây dựng hàng rào, nhà bảo vệ trạm bơm tăng áp Long Thành: Triển khai thi công hoàn thành để nghiệm thu thanh quyết toán công trình đưa vào sử dụng trong quý I/2014.

- Công trình xây dựng hàng rào trạm bơm Vĩnh Thanh: Triển khai thi công hoàn thành và nghiệm thu thanh quyết toán công trình, đưa vào sử dụng trong quý I/2014, tạo bộ mặt khang trang cho trạm bơm.
- Hạng mục công trình: Cải tạo sân đường nội bộ Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch và Cải tạo đường vào trạm bơm nước thô (1A): Triển khai thi công hoàn thành trong quý I/2014 tạo môi trường làm việc sạch đẹp.
- Công trình hệ thống cấp nước khu công nghiệp Nhơn Trạch công suất 2.800m³/ngày.đêm: Hoàn thành khoan khai thác đưa công trình sớm đi vào hoạt động nhằm tăng khả năng cung cấp nước cho khu công nghiệp trong thời gian tới.

Đồng thời tiếp tục đầu tư xây dựng mở rộng 7 hệ thống cấp nước:

- Tuyến ống cấp nước dọc đường số 2 Long Tân cấp nước cho các Dự án và cho khu dân cư xã Long Tân, Phú Hội, khu du lịch sinh thái Đại Phước.
- Tuyến ống cấp nước đường Hương lộ 19 xã Đại Phước - Phú Đông, huyện Nhơn Trạch.
- Tuyến ống cấp nước xã hẻm, áp thuộc các xã Đại Phước, Phú Hữu, Phước Thiên, Hiệp Phước, Long Thọ, huyện Nhơn Trạch.
- Tuyến ống cấp nước Khu công nghiệp dốc 47, huyện Long Thành.
- Tuyến ống cấp nước Khu công nghiệp Lộc An, Bình Sơn, huyện Long Thành.
- Tuyến ống cấp nước khu dân cư Tân Mai 2, xã Phước Tân, huyện Long Thành.
- Tuyến ống cấp nước Khu công nghiệp An Phước, huyện Long Thành.





IV. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá ác ác mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá ác ác mặt hoạt động Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong năm 2013, toàn thể CB.CNV Công ty đã tiếp tục cùng nhau làm việc, phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra. Theo số liệu tổng hợp, ngoại trừ Tổng doanh thu trong năm đạt 98,8% kế hoạch, các chỉ tiêu còn lại đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Đặc biệt, Tổng chi phí đã giảm so với dự kiến.

Các chỉ tiêu chính:

- Tổng doanh thu đạt 126.491.006.509 đồng;
- Tổng chi phí là 84.900.021.133 đồng;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 41.590.985.376 đồng;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 31.153.414.032 đồng;
- Với kết quả này hoàn toàn đảm bảo cho kế hoạch cổ tức 20%.

Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá rất cao sự cố gắng và nỗ lực của toàn thể CB.CNV, sự đoàn kết, đồng lòng trong mọi hoạt động để có thể vượt qua những trở ngại, thử thách trong cả năm 2013.

Về công tác sản xuất

Trong năm 2013, Công ty cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch; chất lượng nước đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ y tế; công tác bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị và khắc phục sự cố kỹ thuật được thực hiện tốt đảm bảo cho sản xuất an toàn; công tác kiểm tra, bảo trì HTCN và đồng hồ nước khách hàng được công ty chú trọng. Sản lượng nước sản xuất đạt 102% so với kế hoạch và ghi thu đạt 101,87% so với kế hoạch.

Về tình hình Tài chính

Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Tình hình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và công tác xã hội

Quy chế dân chủ ở công ty được phát huy, thu nhập đời sống người lao động được cải thiện; tư tưởng cán bộ công nhân viên ổn định yên tâm công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; An ninh chính trị và trật tự an toàn trên địa bàn được giữ vững; các đoàn thể hoạt động hiệu quả, công tác xã hội được công ty quan tâm thực hiện.





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2013, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt chức trách của mình, tham mưu cho Hội đồng quản trị, thực hiện đúng theo tinh thần, định hướng hoạt động của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong vấn đề quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013.

Đưa ra các chỉ đạo, phương án hợp lý để thực hiện hoàn thành các dự án theo kế hoạch đề ra, điển hình như xây dựng đường ống, mở rộng đường ống đem lại nguồn nước ổn định cho người dân trên địa bàn xã Phú Hữu, Đại Phước, Hiệp Phước; cải tạo sửa chữa trạm bơm,...

Đặc biệt, không có trường hợp đáng tiếc nào về an toàn lao động, cháy nổ,... xảy ra trong năm qua.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xem xét kế hoạch và phương hướng hoạt động năm 2014 mà Ban Giám đốc trình bày, Hội đồng quản trị nhất trí với các chỉ tiêu kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo.

Để có được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 tốt hơn, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiếp tục:

- Duy trì thực hiện và nâng cao chất lượng các cuộc họp định kỳ;
- Chú trọng công tác nhân sự: đào tạo tay nghề cho Cán bộ công nhân viên và năng lực lãnh đạo cho các cán bộ quản lý; chuẩn hóa việc tuyển dụng, đánh giá nhân viên, mô tả công việc, lương thưởng,... bằng quy chế cụ thể với mục đích thúc đẩy động lực làm việc của nhân viên, tạo môi trường làm việc cạnh tranh công bằng và minh bạch, nâng cao năng suất người lao động;
- Giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phấn đấu thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra;
- Đảm bảo chất lượng của hoạt động cung cấp nước và xây lắp. Kiểm soát lượng nước thất thoát giảm tối đa, đồng thời tiết kiệm chi phí, đảm bảo lợi nhuận đạt kế hoạch;
- Giám sát tình hình thực hiện các dự án đầu tư đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình;
- Thường xuyên kiểm tra tình hình tài chính của Công ty, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư;
- Giám sát việc cung cấp thông tin trên phương tiện đại chúng; đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.





V. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Thay đổi trong HĐQT, BKS và BGD

Tình hình nhân sự



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Cơ cấu Hội đồng quản trị

Ông **NGUYỄN ANH TUẤN**
Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Ông **NGÔ
DƯƠNG ĐẠI**
TV HĐQT kiêm
Phó Giám đốc

Ông **NGUYỄN
CAO HÀ**
TV HĐQT
không điều hành

Ông **NGUYỄN
THANH BÌNH**
TV HĐQT
không điều hành

Ông **NGUYỄN
CHÍ QUỐC**
TV HĐQT
không điều hành





Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Ông NGUYỄN ANH TUẤN – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Xem phần lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Ông NGÔ DƯƠNG ĐẠI – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Xem phần lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Ông NGUYỄN THANH BÌNH - Thành Viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- **Cá nhân** : 0
- **Đại diện phần vốn:** 191.233 cổ phần – tỷ lệ: 3,825% vốn điều lệ

Ông NGUYỄN CHÍ QUỐC - Thành Viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- **Cá nhân** : 0
- **Đại diện phần vốn:** 73.500 cổ phần – tỷ lệ: 1,47 % vốn điều lệ

Ông NGUYỄN CAO HÀ - Thành Viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

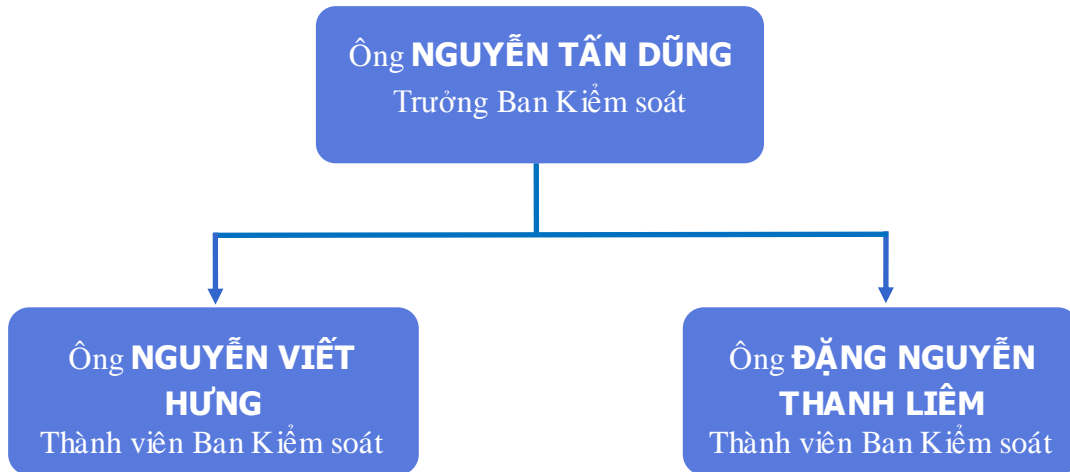
- **Cá nhân** : 3.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,06% vốn điều lệ
- **Đại diện phần vốn:** 503.000 cổ phần – tỷ lệ: 10,06 % vốn điều lệ





BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu Ban Kiểm soát



Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

Ông NGUYỄN TẤN DŨNG – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính : Nam

Chức vụ hiện tại : Trưởng ban Kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- **Cá nhân** : 0
- **Đại diện phần vốn** : 500.000 cổ phần – tỷ lệ: 10 % vốn điều lệ

Ông NGUYỄN VIỆT HƯNG - Thành Viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nam

Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

- **Cá nhân** : 0
- **Đại diện phần vốn** : 191.233 cổ phần – tỷ lệ: 3,825% vốn điều lệ

Ông ĐẶNG NGUYỄN THANH LIÊM – Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính : Nam

Chức vụ hiện tại : Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng cổ phiếu sở hữu:

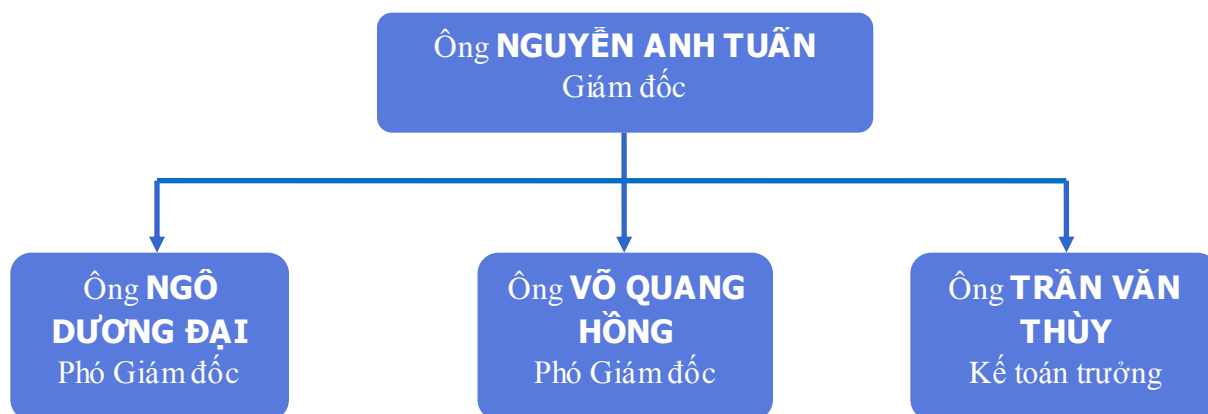
- **Cá nhân** : 58.300 cổ phần – tỷ lệ: 1,166 % vốn điều lệ
- **Đại diện phần vốn** : 0



BAN GIÁM ĐỐC



Cơ cấu Ban Giám đốc





Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Giám đốc

Ông NGUYỄN ANH TUẤN – Giám đốc

Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1967
Nơi sinh	: Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Cấp thoát nước
	:
1986 – 1988	: Công ty Xây dựng Lọc Hóa Dầu Long Thành – Đồng Nai
1988 – 1989	: Công ty Dừa Long Thành – Đồng Nai
1989 – 1997	: Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai
1997 – nay	: Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch.
Chức vụ hiện tại	: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Số lượng cổ phiếu sở hữu:	
- Cá nhân	: 30.000 cổ phần – tỷ lệ: 0,6% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn	: 1.121.868 cổ phần – tỷ lệ: 22,437% vốn điều lệ

Ông NGÔ DƯƠNG ĐẠI – Phó Giám đốc

Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1979
Nơi sinh	: Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
	:
• 2001-5/2012	: Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai nay là Công ty TNHH Một Thành viên Cấp nước Đồng Nai.
• 6/2012 - nay	: Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Số lượng cổ phiếu sở hữu:	
- Cá nhân	: 0
- Đại diện phần vốn	: 500.000 cổ phần – tỷ lệ: 10% vốn điều lệ

Ông VÕ QUANG HỒNG – Phó Giám đốc

Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1958
Nơi sinh	: Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư đô thị
Chức vụ hiện tại	: Phó Giám đốc
	:
• 1978 - 2002	: Xí nghiệp nước Long Khánh - Đồng Nai
• 2002 - nay	: Xí nghiệp nước Nhơn Trạch nay là CTCP Cấp Nước Nhơn Trạch
Số lượng cổ phiếu sở hữu:	
- Cá nhân	: 4.666 cổ phần – tỷ lệ: 0,093 % vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn:	: 100.000 cổ phần – tỷ lệ: 2% vốn điều lệ

Ông TRẦN VĂN THÙY – Kế toán trưởng

Giới tính	: Nam
Năm sinh	: 1979
Nơi sinh	: Nam Định
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	: Kế toán trưởng
Quá trình công	
• 2002 - nay	: Xí nghiệp nước Nhơn Trạch nay là Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch
Số lượng cổ phiếu sở hữu:	
- Cá nhân	: 800 cổ phần – tỷ lệ: 0,016% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn	: 0

THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT & BAN GIÁM ĐỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng quản trị: không thay đổi				
Ban kiểm soát				
1	Bà Phùng Thị Thu Giang	Thành viên BKS		04/25/13
2	Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên BKS		04/25/13
3	Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên BKS	04/25/13	
4	Ông Nguyễn Viết Hưng	Thành viên BKS	04/25/13	
5	Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên BKS	04/25/13	
Ban điều hành: không thay đổi về nhân sự, chỉ thực hiện bổ nhiệm lại Phó giám đốc và Kế toán trưởng				

Ngày 25/04/2013, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cổ đông đã bầu ra Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2013 – 2018 và nhất trí để các thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm trước tiếp tục đảm nhiệm công việc.

Đại hội Cổ đông năm 2013 cũng đồng thời bầu ra được Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 – 2018 gồm 3 thành viên, trong đó Ông Nguyễn Tấn Dũng vẫn giữ vị trí Trưởng Ban Kiểm soát, Ông Nguyễn Viết Hưng và Đặng Nguyễn Thanh Liêm trúng cử thay thế cho Bà Phùng Thị Thu Giang và Nguyễn Thị Phương Lan thôi tham gia Ban kiểm soát Công ty.

Ban Giám đốc Công ty không có sự thay đổi về nhân sự trong năm 2013.





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ



Cơ cấu nhân sự

Hiện nay, CBCNV Công ty có 84 người với cơ cấu như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ		
1	Trình độ đại học, trên đại học	24	28,57%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	10	11,90%
3	Khác	50	59,52%
B	Địa bàn công tác		0,00%
1	Nhà máy nước Nhơn Trạch	74	88,10%
2	Trạm Đại Phước	5	5,95%
3	Trạm Long Thành	5	5,95%
C	Trình độ lao động		
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	34	40,48%
2	Trình độ bậc thợ	50	59,52%

Tổng số nhân viên tăng 7 người so với năm 2012. Số nhân viên có trình độ chuyên môn cao tăng khoảng 10%, số nhân viên có trình độ bậc thợ cũng tăng 8,6% trong năm 2013



TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2011	5.849.000
2	2012	6.200.000
3	2013	6.250.000

Trong 3 năm kể từ 2011, thu nhập của người lao động trong Công ty tăng dần theo từng năm. Năm 2013, thu nhập người lao động có tăng nhẹ so với năm 2012, tăng từ mức 6.200.000 đồng/người/tháng lên 6.250.000 đồng/người/tháng



Chính sách đối với người lao động

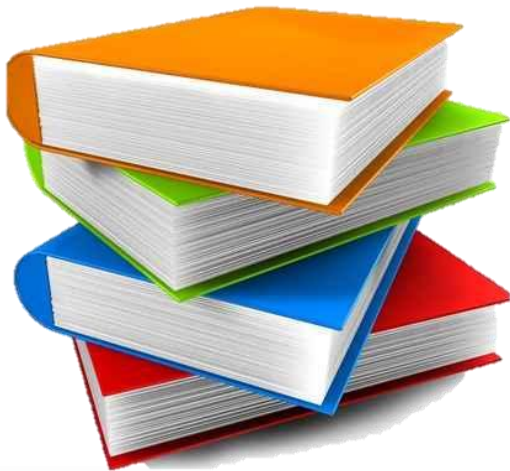
- Công tác đào tạo

Chính sách đào tạo nhân lực hằng năm vẫn được công ty duy trì với mục tiêu nâng cao trình độ cho đội ngũ lao động, đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên. Điển hình như tổ chức các lớp học đào tạo tay nghề cho công nhân, tìm kiếm các lớp đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn cho nhân viên. Đồng thời, Công ty cũng luôn khuyến khích các cán bộ công nhân viên Công ty tự trau dồi, học hỏi trình độ cũng như nghiệp vụ.

Trong năm 2013, Công ty đã tạo điều kiện cử 11 Cán bộ công nhân viên tham gia học tập huấn nghiệp vụ về dự thầu, đấu thầu qua mạng, giám sát thi công, an toàn lao động.

- Bảo hiểm và phúc lợi

Hằng năm, Công ty vẫn luôn trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đúng thời hạn và quy định của Pháp luật. Cấp phát đầy đủ Bảo hiểm Lao động cho nhân viên toàn thể công ty.



- Chất lượng nguồn lao động

Có được nguồn nhân lực với trình độ chuyên môn và nhiều kinh nghiệm là điều mà những năm qua Công ty luôn tự hào. Các cán bộ quản lý cấp cao là những cán bộ có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành, thường xuyên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực quản lý. Cán bộ cấp trung hầu hết thuộc tầng lớp trẻ tuổi, có trình độ, nghiệp vụ tuy chưa có nhiều kinh nghiệm nhưng rất chủ động học hỏi và năng động trong công việc.

- Điều kiện làm việc

Công ty luôn tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên, trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết, cấp phát đầy đủ đồng phục nhân viên theo quy định. Tổ chức định kỳ khám sức khỏe cho toàn thể Cán bộ Công nhân viên trong Công ty.

- Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.



VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cổ phần, cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Hoạt động Hội đồng quản trị

Hoạt động Ban kiểm soát

**Giao dịch, lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của
HĐQT, BKS và BGĐ**

Thực hiện các quy định về quản trị Công ty



CỔ PHẦN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ 2013 của công ty là 50.000.000.000 đồng.

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 5.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 5.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH Cấp Nước một thành viên Đồng Nai	2.621.868	52,437%
Tổng cộng		2.621.868	52,437%

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Nhà nước	1	2.621.868	52,437%
Cổ đông trong nước	241	2.238.066	44,761%
<i>Tổ chức</i>	5	411.833	8,237%
<i>Cá nhân</i>	236	1.826.233	36,525%
Cổ đông nước ngoài	7	140.066	2,801%
<i>Tổ chức</i>	1	129.966	2,599%
<i>Cá nhân</i>	1	10100	0,202%
Tổng cộng	249	5.000.000	100%



Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Trong năm 2013, Công ty không thay đổi vốn chủ sở hữu



Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có



Chứng khoán khác

Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện nay, Công ty không thành lập Tiểu ban HĐQT



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch đã tổ chức tổng cộng 6 cuộc họp để đề ra kế hoạch, thống nhất các phương án điều hành hoạt động.

Số TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ %
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	6/6	100
2	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT	6/6	100
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	6/6	100
4	Ông Nguyễn Chí Quốc	Thành viên HĐQT	6/6	100
5	Ông Ngô Dương Đại	Thành viên HĐQT	6/6	100

Đồng thời,

32 Quyết đị

, hoàn thiện việc bổ sung vốn điều lệ,

thay đổi nhân sự

Quyết đị



Số TT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2013/NQ-HĐQT-NTWA	03/01/2013	V/v chi tạm ứng cổ tức 2013.
2	02/2013/NQ-HĐQT-NTWA	01/02/2013	V/v thông báo kết quả SXKD năm 2013 và kế hoạch năm 2013
3	03/2013/NQ-HĐQT-NTWA	06/02/2013	V/v chỉ định thầu công trình; mở rộng đường ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu.
4	04/2013/NQ-HĐQT-NTWA	06/02/2013	V/v chỉ định thầu công trình; xây dựng hàng rào, nhà bảo vệ trạm bơm tăng áp Long Thành.
5	05/2013/NQ-HĐQT-NTWA	06/02/2013	V/v chỉ định thầu công trình; tuyến ống cấp nước từ đường 319B đến Hương lộ 19 xã Long Thọ.
6	06/2013/NQ-HĐQT-NTWA	04/04/2013	V/v bàn giao đường dây trung thế 22Kv dọc đường 319 cho Điện lực Nhơn Trạch.
7	07/2013/NQ-HĐQT-NTWA	04/04/2013	V/v phê duyệt nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.
8	08/2013/NQ-HĐQT-NTWA	08/04/2013	V/v tham nhạ đường nội bộ Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
9	09/2013/NQ-HĐQT-NTWA	08/04/2013	V/v thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý I năm 2013.
10	10/2013/NQ-HĐQT-NTW	07/05/2013	V/v chia cổ tức còn lại 2012, bằng tiền mặt.
11	11/2013/NQ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v chi thưởng cho ban quản lý điều hành Công ty.
12	12/2013/NQ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v chấp thuận chủ trương cải tạo tuyến ống cấp nước đường 5C/5A KCN Nhơn Trạch 2.
13	13/2013/NQ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2013.
14	14/2013/NQ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v chấp nhận điều chỉnh chủ trương lập, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Công ty với quy mô xây dựng 05 tầng.
15	15/2013/NQ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v chấp thuận chủ trương Đầu tư xây dựng công trình 08 giếng khoan (Công suất 2800m ³ /ngđ), tuyến ống thu nước thô và cáp điện ngầm dọc theo hành lang đường Trần Phú, huyện Nhơn Trạch.
16	16/2013/NQ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v chuyển đổi hình thức lập Dự án đầu tư sang lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước (Công suất 2500m ³ /ngđ)
17	17/2013/NQ-HĐQT-NTW	30/10/2013	V/v lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
18	18/2013/NQ-HĐQT-NTW	30/10/2013	V/v thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2013 & Phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2013.
19	19/2013/NQ-HĐQT-NTW	30/10/2013	V/v chi tạm ứng cổ tức năm 2013.
20	20/2013/NQ-HĐQT-NTW	30/10/2013	V/v tài trợ hội thao Ngành Cấp thoát nước Miền Nam mở rộng lần thứ XIV năm 2014.

Số TT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2013/QĐ-HĐQT-NTWA	06/01/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình xây dựng hàng rào nhà bảo vệ Trạm bơm tăng áp Long Thành - Địa điểm Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
2	02/2013/QĐ-HĐQT-NTWA	29/01/2013	V/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình “Mở rộng đường ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu”
3	03/2013/QĐ-HĐQT-NTWA	07/02/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình “Mở rộng đường ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu” - Địa điểm Xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
4	04/2013/QĐ-HĐQT-NTWA	07/02/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình “Tuyển ống cấp nước từ đường 319B đến Hương lộ 19 xã Long Thọ” - Địa điểm xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
5	05/2013/QĐ-HĐQT-NTWA	08/03/2013	V/v phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình “Mở rộng đường ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu” - Địa điểm Xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
6	06/2013/QĐ-HĐQT-NTWA	08/03/2013	V/v phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình “Tuyển ống cấp nước từ đường 319B đến Hương lộ 19 xã Long Thọ” - Địa điểm xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
7	07/2013/QĐ-HĐQT-NTWA	08/03/2013	V/v phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình “Xây dựng hàng rào nhà bảo vệ Trạm bơm tăng áp Long Thành” - Địa điểm Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
8	08/2013/QĐ-HĐQT-NTW	26/04/2013	V/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu công trình “Mở rộng đường ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu” - Địa điểm Xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
9	09/2013/QĐ-HĐQT-NTW	26/04/2013	V/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu công trình Tuyển ống cấp nước từ đường 319B đến Hương lộ 19 xã Long Thọ - Địa điểm xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
10	10/2013/QĐ-HĐQT-NTW	26/04/2013	V/v phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu công trình “Xây dựng hàng rào nhà bảo vệ Trạm bơm tăng áp Long Thành” - Địa điểm Thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
11	11/2013/QĐ-HĐQT-NTW	30/05/2013	V/v phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình “cải tạo, sửa chữa trạm bơm nước thô (Trạm IC)”.
12	12/2013/QĐ-HĐQT-NTW	30/05/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình “Khoan thay thế giếng khai thác G1, G6 và giếng quan trắc”.
13	13/2013/QĐ-HĐQT-NTW	12/06/2013	V/v ngừng triển khai đầu tư xây dựng công trình “Di dời đường ống cấp nước các điểm băng đường QL51B” - Địa điểm thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, Đồng Nai.

14	14/2013/QĐ-HĐQT-NTW	24/06/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình “Cải tạo, sửa chữa trạm bơm nước thô (trạm IC)” - Địa điểm KCN Nhơn Trạch 5, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
15	15/2013/QĐ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty.
16	16/2013/QĐ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty.
17	17/2013/QĐ-HĐQT-NTW	15/07/2013	V/v ban hành quy chế về Quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
18	18/2013/QĐ-HĐQT-NTW	17/07/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình cải tạo sửa chữa đường nội bộ nhà máy nước Nhơn Trạch, địa điểm xây dựng KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, huyện Nhơn Trạch.
19	19/2013/QĐ-HĐQT-NTW	18/07/2013	V/v phê duyệt nhiệm vụ thiết kế Dự án xây dựng trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
20	20/2013/QĐ-HĐQT-NTW	24/07/2013	V/v phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
21	21/2013/QĐ-HĐQT-NTW	25/07/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu tư vấn Dự án xây dựng trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
22	22/2013/QĐ-HĐQT-NTW	15/08/2013	V/v phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật công trình xây dựng hàng rào trạm bơm cấp nước Vĩnh Thanh.
23	23/2013/QĐ-HĐQT-NTW	11/09/2013	V/v phê duyệt kế hoạch đấu thầu công trình xây dựng hàng rào trạm bơm cấp nước Vĩnh Thanh. Địa điểm xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
24	24/2013/QĐ-HĐQT-NTW	15/11/2013	V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
25	25/2013/QĐ-HĐQT-NTW	19/11/2013	V/v phê duyệt BC KTKT Công trình HTCN KCN Nhơn Trạch, công suất 2800m ³ /ngđ.
26	26/2013/QĐ-HĐQT-NTW	20/11/2013	V/v phê duyệt KHĐT tư vấn GD chuẩn bị thực hiện dự án Trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
27	27/2013/QĐ-HĐQT-NTW	26/11/2013	V/v phê duyệt KHĐT Công trình HTCN KCN Nhơn Trạch, công suất 2800m ³ /ngđ.
28	28/2013/QĐ-HĐQT-NTW	26/11/2013	V/v Phê duyệt BC KTKT Công trình xây dựng tuyến ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu.
29	29/2013/QĐ-HĐQT-NTW	27/11/2013	V/v phê duyệt KHĐT Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu.
30	30/2013/QĐ-HĐQT-NTW	02/12/2013	V/v phê duyệt BC KTKT Công trình tuyến ống cấp nước qua cầu Phước Lý xã Đại Phước.
31	31/2013/QĐ-HĐQT-NTW	03/12/2013	V/v phê duyệt KHĐT Công trình tuyến ống cấp nước qua cầu Phước Lý xã Đại Phước.
32	32/2013/QĐ-HĐQT-NTW	20/12/2013	V/v phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Công trình mở rộng đường ống cấp nước các hẻm xã Phú Hữu.



Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào về quản trị công ty

Không có



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định về chức năng, nhiệm vụ được quy định. Tại các cuộc họp, Ban kiểm soát đã thực hiện tổng kết công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của Công ty, đồng thời lên kế hoạch cho hoạt động trong kỳ tiếp theo.



Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc

❖ Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Ngày 25/04/2013, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đã bầu 05 thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng tiêu chuẩn của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị đã duy trì các kỳ họp thường kỳ, đồng thời tổ chức các cuộc họp bất thường kịp thời chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh. Từng thành viên có ý thức chấp hành pháp luật và điều lệ Công ty một cách nghiêm chỉnh, không có xung đột về quyền lợi. Chủ tịch HĐQT đã phân công cho từng thành viên hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao được vai trò trách nhiệm cao của từng cá nhân trong công tác quản trị.

Năm 2013, HĐQT đã tổ chức họp 6 phiên họp thường kỳ, và ban hành 20 nghị quyết, 32 quyết định xoay quanh các nội dung chủ yếu sau đây:

- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra biện pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất. Đầu tư xây dựng các dự án mở rộng mạng lưới cung cấp nước trên địa bàn.
- Chi tạm ứng và chi cổ tức còn lại cho cổ đông.



❖ Về hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty đã điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng pháp luật và điều lệ Công ty, đảm bảo cho Công ty hoạt động hiệu quả cao, phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững.

Trong năm 2013, Công ty đã tổ chức Đại hội công nhân viên chức, ký thỏa ước lao động tập thể với người đại diện người lao động; thực hiện quy chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Đặc biệt, lương sản phẩm cho cán bộ công nhân viên Công ty đã được điều chỉnh tăng. Nhờ vậy mà đời sống người lao động được cải thiện và nâng cao, người lao động an tâm công tác, tích cực lao động sản xuất. Ngoài ra người lao động còn được Công ty tổ chức tham gia đào tạo nâng cao trình độ và tay nghề hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài.

Công ty cũng tham gia vào các hoạt động xã hội như ủng hộ đồng bào bão lụt, thiên tai, ủng hộ quỹ trẻ em nghèo hiếu học, quỹ nạn nhân chất độc màu da cam. Tổng số tiền mà Công ty đã ủng hộ các Quỹ trong năm 2013 là: 107.176.000 đồng.



GIAO DỊCH, LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS & BGD



Lương, thưởng, thù lao của HĐQT, BGD và BKS

ĐVT: Đồng

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
Hội đồng quản trị				
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	52.500.000		70.000.000
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên	34.500.000		60.000.000
Ông Nguyễn Chí quốc	Thành viên	34.500.000		60.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	34.500.000		60.000.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	34.500.000		60.000.000
Ban kiểm soát				
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban	34.500.000		60.000.000
Phùng Thị Thu Giang	Thành viên (đã miễn nhiệm)	3.900.000		
Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên (đã miễn nhiệm)	3.900.000		
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên	13.500.000		
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	13.500.000		
Ban Giám Đốc				
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc		665.126.399	75.168.000
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám đốc		489.477.560	30.000.000
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám đốc		497.085.460	40.000.000
Ông Trần Văn Thùy	Kế toán trưởng		408.492.139	30.000.000



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan

Không có



Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ngày 15/07/2013, theo Quyết định Hội đồng quản trị số 17/2013/QĐ-HĐQT-NTW đã thông qua Quy chế quản trị công ty. Quy chế được ban hành dựa trên Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư số 121/2012/TT-BTC về Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty đại chúng, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động, Biên bản họp Hội đồng quản trị với mục đích đảm bảo đầy đủ các yêu cầu về tuân thủ đúng các quy định về quản trị, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp nước Nhơn Trạch thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (Doanh nghiệp Nhà nước).

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600977120 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 7 1 2 0

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo tài chính này (từ trang 05 đến trang 24).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Bà Phùng Thị Thu Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám đốc
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2014



Số: 009/2014/BCKT-AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013, từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 25 tháng 03 năm 2013 có dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh



Trương Quang Trung – Giám đốc
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 1752-2013-141-1

Phạm Thị Anh Khoa – Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 1521-2013-141-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.204.784.583	82.700.186.458
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.446.263.274	59.228.178.168
1. Tiền	111		2.282.434.656	32.783.034.784
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.163.828.618	26.445.143.384
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	30.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.776.213.117	16.472.796.979
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	18.388.265.384	16.674.765.894
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	2.233.894.462	295.227.400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	456.237.051	1.092.587.037
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(2.302.183.780)	(1.589.783.352)
IV. Hàng tồn kho	140		7.658.555.192	6.826.523.311
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7.658.555.192	6.826.523.311
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		323.753.000	172.688.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	323.753.000	172.688.000



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.627.535.651	56.402.143.389
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.627.535.651	56.402.143.389
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	49.541.076.373	55.791.351.644
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>119.223.122.832</i>	<i>114.953.599.712</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(69.682.046.459)</i>	<i>(59.162.248.068)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	2.833.333
<i>Nguyên giá</i>	228		-	<i>36.500.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	<i>(33.666.667)</i>
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.086.459.278	607.958.412
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		149.832.320.234	139.102.329.847



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		20.156.908.111	21.631.077.817
I. Nợ ngắn hạn	310		20.156.908.111	21.631.077.817
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	3.650.890.064	6.692.425.055
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	168.929.807	1.918.785.045
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3.917.047.584	2.445.463.918
5. Phải trả người lao động	315	V.15	4.488.103.909	5.297.871.592
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	518.498.633	350.351.960
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	7.413.438.114	4.926.180.247
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		129.675.412.123	117.471.252.030
I. Vốn chủ sở hữu	410		129.675.412.123	117.471.252.030
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	6.043.138.411	6.043.138.411
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.18	43.130.106.967	28.219.428.276
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.18	4.348.752.713	2.829.808.890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18	26.153.414.032	30.378.876.453
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		149.832.320.234	139.102.329.847



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-



Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2013



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	122.535.796.991	124.487.779.115
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	21.426.658	2.487.114.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	122.514.370.333	122.000.665.115
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	76.645.560.405	80.622.103.529
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.868.809.928	41.378.561.586
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.956.731.033	2.029.473.569
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		245.248.232	394.400.503
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	8.009.212.496	6.014.530.414
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.571.080.233	36.999.104.238
11. Thu nhập khác	31		19.905.143	249.665.379
12. Chi phí khác	32		-	165.075.464
13. Lợi nhuận khác	40		19.905.143	84.589.915
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.590.985.376	37.083.694.153
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	10.437.571.344	6.704.817.700
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.153.414.032</u>	<u>30.378.876.453</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	<u>6.231</u>	<u>9.111</u>



Trần Văn Thù
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.590.985.376	37.083.694.153
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	11.145.532.647	10.362.382.147
- Các khoản dự phòng	03	V.6	712.400.428	1.589.783.352
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.185.483.940)	(2.029.473.569)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		50.263.434.511	47.006.386.083
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.166.881.566)	(3.616.708.066)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(832.031.881)	(1.999.902.698)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.860.887.819)	6.184.986.374
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(9.050.853.231)	(10.166.035.334)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.949.253.939)	(260.604.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.403.526.075	37.148.122.359
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10	(5.668.096.633)	(9.428.914.671)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, VII.1	3.482.655.664	1.286.973.569
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.185.440.969)	(8.141.941.102)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	21.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(15.000.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.000.000.000)	18.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.781.914.894)	47.006.181.257
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	59.228.178.168	12.221.996.911
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	42.446.263.274	59.228.178.168



Trần Văn Thùy
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xi nghiệp nước Nhơn Trạch thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (Doanh nghiệp Nhà nước).

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600977120 ngày 14 tháng 02 năm 2008, thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 05 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số thuế : 3 6 0 0 9 7 7 1 2 0

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp. Phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bắt năm khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

7. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.



8. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

11. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.



12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền		
Tiền mặt	74.102.166	53.307.399
Tiền gửi ngân hàng	2.208.332.490	32.729.727.385
Các khoản tương đương tiền (*)	40.163.828.618	26.445.143.384
Cộng	<u>42.446.263.274</u>	<u>59.228.178.168</u>

(*) Là tiền gửi có hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch.

2. Đầu tư ngắn hạn

Là khoản cho vay các Công ty:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	10.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	20.000.000.000	-
Cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>

3. Phải thu khách hàng

Là các khoản phải thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng cấp nước (*)	11.411.250.094	10.012.464.878
Khách hàng xây lắp (**)	6.977.015.290	6.662.301.016
Cộng	<u>18.388.265.384</u>	<u>16.674.765.894</u>

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chuẩn thu tiền nước tháng 12/2013	11.380.296.012	9.968.677.035
Các khách hàng khác	30.954.082	43.787.843
Cộng	<u>11.411.250.094</u>	<u>10.012.464.878</u>

() Chi tiết**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch	3.848.587.504	491.393.666
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	2.271.119.074
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 D2D	633.055.937	92.677.875
Các khách hàng khác	224.252.775	3.807.110.401
Cộng	<u>6.977.015.290</u>	<u>6.662.301.016</u>



4. Trả trước cho người bán

Là khoản trả trước cho nhà cung cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Việt Long	782.830.158	-
Công ty TNHH MTV Việt Tân Tiến	466.149.141	-
Công ty TNHH Thái Dương	191.054.921	-
Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Thảo Huyền	130.798.687	-
Các nhà cung cấp khác	663.061.555	295.227.400
Cộng	<u>2.233.894.462</u>	<u>295.227.400</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	325.000.000	742.500.000
Phải thu khác	131.237.051	350.087.037
Cộng	<u>456.237.051</u>	<u>1.092.587.037</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.589.783.352	-
Trích lập dự phòng	712.400.428	1.589.783.352
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>2.302.183.780</u>	<u>1.589.783.352</u>

7. Hàng tồn kho

Là nguyên liệu, vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là tạm ứng của công nhân viên, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Võ Thanh Vân	100.000.000	-
Nguyễn Đế Nghiêu	52.913.000	17.913.000
Trần Thanh Đăng	44.000.000	40.000.000
Các đối tượng khác	126.840.000	114.775.000
Cộng	<u>323.753.000</u>	<u>172.688.000</u>



9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.879.223.510	15.659.640.806	80.751.329.859	663.405.537	114.953.599.712
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.646.425.823	2.376.329.188	1.113.116.756	53.724.000	5.189.595.767
Giảm khác theo TT45/2013/TT-BTC	(30.064.247)	(408.538.325)	(12.231.638)	(469.238.437)	(920.072.647)
Số cuối năm	19.495.585.086	17.627.431.669	81.852.214.977	247.891.100	119.223.122.832
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.942.220.353	10.705.488.547	37.052.455.956	462.083.212	59.162.248.068
Khấu hao trong năm	1.938.915.398	1.431.194.567	7.687.285.206	88.137.476	11.145.532.647
Giảm khác theo TT45/2013/TT-BTC (*)	(30.064.247)	(269.929.310)	-	(325.740.699)	(625.734.256)
Số cuối năm	12.851.071.504	11.866.753.804	44.739.741.162	224.479.989	69.682.046.459
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.937.003.157	4.954.152.259	43.698.873.903	201.322.325	55.791.351.644
Số cuối năm	6.644.513.582	5.760.677.865	37.112.473.815	23.411.111	49.541.076.373

(*) Giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ điều kiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC được kết chuyển vào chi phí trong kỳ.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm kế toán.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	36.500.000	(33.666.667)	2.833.333
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	(36.500.000)	33.666.667	(2.833.333)
Số cuối năm	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Xây mới Văn phòng làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	631.701.455	12.727.273
Công trình Tuyến ống cấp nước từ đường 319B - Hương lộ 19 xã Long Thọ	275.723.115	10.433.636
Công trình Hệ thống cấp nước Khu công nghiệp Nhơn Trạch công suất 2800m3/ngày	107.769.252	-
Các công trình khác	71.265.456	584.797.503
Cộng	1.086.459.278	607.958.412



12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	1.823.570.070	4.635.203.322
Công ty TNHH MTV Việt Tân Tiến	417.749.863	1.217.209.386
Công ty TNHH Long Trạch	350.735.897	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến	350.658.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Đức Anh	131.275.133	347.476.490
Các nhà cung cấp khác	576.901.101	492.535.857
Cộng	<u>3.650.890.064</u>	<u>6.692.425.055</u>

13. Người mua trả tiền trước

Là các khoản khách hàng ứng trước từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng cấp nước	1.726	1.529.219.461
Khách hàng xây lắp (*)	168.928.081	389.565.584
Cộng	<u>168.929.807</u>	<u>1.918.785.045</u>

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trường Cao đẳng An ninh nhân dân II	60.770.000	-
Công ty Quốc tế Grande	34.843.876	-
Công ty Tín Nghĩa	38.049.300	38.049.300
Công ty Vinatex Tân Tạo	30.864.476	-
Các khách hàng khác	4.400.429	351.516.284
Cộng	<u>168.928.081</u>	<u>389.565.584</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	435.273.442	6.401.504.864	(6.466.663.130)	370.115.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.793.709.777	10.437.571.344	(9.050.853.231)	3.180.427.890
Thuế thu nhập cá nhân	94.052.800	1.138.622.589	(1.060.410.539)	172.264.850
Thuế tài nguyên	122.427.899	2.038.695.468	(1.966.883.699)	194.239.668
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	<u>2.445.463.918</u>	<u>20.019.394.265</u>	<u>(18.547.810.599)</u>	<u>3.917.047.584</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0%, 5%, 10%.



Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.590.985.376	37.083.694.153
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Tiền phạt hành chính	159.300.000	(1.669.698.105)
- Thu nhập từ lãi tiền gửi và tiền cho vay	-	359.775.464
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	159.300.000	(2.029.473.569)
Thu nhập tính thuế	41.750.285.376	35.413.996.048
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.437.571.344	8.853.499.012
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2013/TT-BTC ngày 21/08/2013	-	(2.656.049.704)
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ thu nhập khác (lãi tiền gửi và tiền cho vay)	-	507.368.392
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.437.571.344	6.704.817.700

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 12	412.988.200	390.736.755
Lương tháng 13	2.042.480.915	3.064.732.364
Quỹ lương dự phòng 17%	2.032.634.794	1.842.402.473
Cộng	4.488.103.909	5.297.871.592

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	26.625.815	-
Bảo hiểm y tế	3.615.432	-
Thưởng phải trả ban quản lý điều hành	28.990.293	124.331.090
Phải trả cổ tức	358.785.850	145.875.500
Phí môi trường	42.485.838	35.056.828
Phải trả phải nộp khác	57.995.405	45.088.542
Cộng	518.498.633	350.351.960



**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



Ngày 04 tháng 04 năm 2014



Nguyễn Anh Tuấn



CTCP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

**Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú,
huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**

Điện thoại: (061) 3560 574 – Fax: (061) 360 031

Website: www.ntw.com.vn